TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY BẮC** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2019/DS-ST
Ngày: 12-9-2019
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC - TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đỉnh
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Truyền
2. Ông Huỳnh Văn Nhi

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Nhớ, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Lê Xuân Thịnh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 9 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 96/2019/TLST-DS ngày 02 tháng 4 năm 2019 tranh chấp hợp đồng dân sự góp hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2019/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 82/2019/QĐST-DS ngày 26 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1964. Địa chỉ: ấp TN, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1977. Địa chỉ: ấp X, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Ngô Văn T, sinh năm 1977. Địa chỉ: ấp X, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/3/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày: Nguyên đơn có tham gia 02 dây hụi do bị đơn bà Nguyễn Thị N làm chủ hụi cụ thể: Dây hụi thứ nhất: Hụi khui ngày 06/6/2016 (Âm lịch), nguyên đơn tham gia 100 phần, mỗi phần 200.000 đồng, lần đầu đóng 200.000.000 đồng vào ngày 06/6/2016, ngày 06/9/2016 đóng tiếp số tiền 200.000.000 đồng là đủ số tiền hụi. Tháng 12/2016 hụi mãn nhưng bị đơn không giao tiền hụi, bị đơn có điện thoại nhiều lần nhưng

vẫn không giao tiền. Dây hụi thứ hai: Hụi khui ngày 20/5/2016 (Âm lịch), hụi có 16 phần, nguyên đơn tham gia 01 phần, đóng hụi sống 06 tháng (từ tháng 5/2016 đến tháng 10/2016), mỗi tháng đóng 7.400.000 đồng. Tổng số tiền nguyên đơn đã đóng của dây hụi này là 44.400.000 đồng. Đến tháng 12/2016 (Âm lịch) bà N vỡ hụi và đi khỏi địa phương. Tổng số tiền nguyên đơn yêu cầu bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan liên đới trả số tiền hụi là 534.400.000 đồng và tính lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 01/01/2017 đến ngày Tòa xét xử. Ngày 08/7/2019 nguyên đơn có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 84.400.000 đồng và nay chỉ yêu cầu bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan liên đới trả số tiền hụi là 450.000.000 đồng.

Bị đơn Nguyễn Thị N vắng mặt trong các lần mời của Tòa án nên không có lời trình bày.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngô Văn T trình bày: Ông và bị đơn là vợ chồng có đăng ký kết hôn, ông có biết việc bị đơn làm chủ hụi nhưng không biết từng hụi viên là ai vì vợ chồng mỗi người làm một nghề. Cách nay khoảng 02 năm bị đơn vỡ hụi và bỏ địa phương đi, ông không chủ động liên hệ được với bị đơn. Việc nguyên đơn và bị đơn chơi hụi với nhau như thế nào thì ông không biết. Tuy nhiên, ngày 30/01/2017 nguyên đơn có đến nói với ông là bị đơn nợ tiền hụi 450.000.000 đồng và ông trao đổi, bị đơn cũng thừa nhận nợ và có viết giấy nhận nợ cho nguyên đơn. Đối với giấy tay nhận nợ nguyên đơn số tiền 490.000.000 đồng do nguyên đơn cung cấp thì ông không biết có phải là chữ viết của bị đơn hay không. Nay ông đồng ý cùng bị đơn trả số tiền hụi là 450.000.000 đồng cho nguyên đơn và xin không trả lãi theo yêu cầu của nguyên đơn do hoàn cảnh khó khăn. Ông xin vắng mặt trong những lần Tòa án mời vì bận đi làm.

Tại phiên tòa: các đương sự vắng mặt nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát trình bày quan điểm kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng thực hiện đúng quy định pháp luật từ khi thụ lý đến xét xử; nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình cụ thể vắng mặt không có lý do vào các lần mời của Tòa án.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Buộc bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan liên đới trả cho nguyên đơn số tiền 450.000.000 đồng. Về lãi suất nguyên đơn không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các đương sự trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền hụi nên thuộc tranh chấp hợp đồng dân sự góp hụi theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn có nơi cư trú tại xã Tân Thanh Tây, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre nên căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh

Bến Tre thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu xét xử vắng mặt; bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định pháp luật.

Nguyên đơn có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 84.400.000 đồng là tự nguyện phù hợp với quy định tại Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào các lời khai của đương sự, các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử nhận định: Nguyên đơn có tham gia 02 dây hụi do bị đơn làm chủ hụi với số tiền 534.400.000 đồng, bị đơn vắng mặt nên không có lời trình bày. Tuy nhiên, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đồng thời là chồng của bị đơn thì cho rằng ngày 30/01/2017 nguyên đơn có đến nói bị đơn nợ tiền hụi 450.000.000 đồng và ông trao đổi, bị đơn cũng thừa nhận nợ và có viết giấy nhận nợ cho nguyên đơn đây là tình tiết không phải chứng minh theo điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do vậy, Hội đồng xét xử xác định bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền nợ hụi 450.000.000 đồng là có cơ sở.

Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi suất trên số tiền nợ nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan mặc dù không trực tiếp làm chủ hụi nhưng ông và bị đơn là vợ chồng vả lại ông cũng đồng ý liên đới cùng bị đơn trả số tiền nợ hụi cho nguyên đơn nên căn cứ Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử buộc ông T có nghĩa vụ liên đới cùng bị đơn hoàn trả số tiền hụi cho nguyên đơn là đúng quy định pháp luật.

Từ những lập luận trên có cơ sở xác định bị đơn bà N và ông T còn nợ nguyên đơn bà N số tiền hụi là 450.000.000 đồng chưa thanh toán xong. Do đó, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn và ông T có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho nguyên đơn số tiền là 450.000.000 đồng là phù hợp pháp luật. Về lãi suất nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải liên đới chịu án phí đối với số tiền phải trả cho nguyên đơn 450.000.000 đồng = 20.000.000 đồng +4% (50.000.000 đồng) = 22.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, 147, 217, 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2016; Điều 479 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị định số 144/2006/NĐ-CPngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường; Điều 26, 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị N và ông Ngô Văn T cùng liên đới hoàn trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền hụi là 450.000.000 đồng. Thời hiệu thi hành là kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của nguyên đơn cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N đối với số tiền 84.400.000 đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị N và ông Ngô Văn T cùng liên đới nộp 22.000.000 đồng.

Hoàn trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị N số tiền tạm ứng án phí đã nộp 12.688.000 đồng theo biên lai thu số 000xxxx, ngày 02/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre.

4. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự để xin Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử lại theo trình tự thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND huyện M (2b);
- Chi cục THADS huyện M (1b);
- Các đương sự (3b);
- Lưu: Hồ sơ, VP (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Đỉnh